



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

Mã ngành: 7850101

Chuyên Ngành: Quản lý môi trường

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202112	Toán cao cấp B1	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
3	202301	Hóa học đại cương	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
4	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
5	202401	Sinh học đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
6	202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1	30	0	30	0	0	0	1	1			
7	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
8	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
9	213603	Anh văn 1*	4	60	60	0	0	0	0	1	1			
10	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
11	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
12	200202	Quân sự 2 (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
13	202113	Toán cao cấp B2	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202112		
14	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2			
15	213604	Anh văn 2*	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213603		
16	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
17	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1	200102		
18	202121	Xác suất thống kê	3	45	45	0	0	0	0	2	1	202113		
19	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	2	2	200103		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
20	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1	200107		
Cộng			45	825	555	180	90	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	212301	Kỹ năng đàm phán	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
2	212320	Hình học họa hình	2	30	10	10	10	0	0	2	1			
3	212921	Kỹ năng tìm việc làm	1	30	15	15	0	0	0	2	1			
Cộng			5	90	55	25	10	0	0					
2. Khối kiến thức cơ sở ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	212331	Vẽ kỹ thuật	3	60	30	30	0	0	0	1	2			
2	212103	Vi sinh vật môi trường	2	45	15	30	0	0	0	2	1	202401		
3	212110	Khoa học môi trường	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
4	212201	Hóa học môi trường	2	45	15	30	0	0	0	2	1	202301		
5	212509	Kinh tế môi trường	2	30	30	0	0	0	0	2	1	202113		212570
6	212570	Đồ án Kinh tế môi trường	1	30	0	0	0	30	0	2	1			212509
Cộng			12	240	120	90	0	30	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	212104	Sinh thái học môi trường	2	30	30	0	0	0	0	1	2	202401		
2	212340	Suy thoái và bảo vệ đất	2	45	15	30	0	0	0	1	2			
3	212402	Độc chất học môi trường	2	45	15	30	0	0	0	1	2			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
Cộng			6	120	60	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0202 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	212305	Quá trình thủy lực trong CNMT	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
2	212528	Kinh tế tài nguyên	2	30	30	0	0	0	0	2	1	212509		
3	212929	Đa dạng sinh học	2	45	15	0	30	0	0	2	1	212104		
4	212933	Kỹ thuật phòng thí nghiệm môi trường	2	45	15	30	0	0	0	2	1	202304		
Cộng			8	150	90	30	30	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0203 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC														
1	212326	Kỹ thuật công trình	3	45	45	0	0	0	0	2	2	212331 212305		
2	212930	Phân tích môi trường	3	60	30	30	0	0	0	2	2	212933 212201		
3	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3	60	30	30	0	0	0	2	2			
Cộng			9	165	105	60	0	0	0					
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	212504	Luật & chính sách Môi trường (A)	2	30	30	0	0	0	0	2	2	212110		
2	212522	Quan trắc môi trường	2	60	0	60	0	0	0	2	2	212201 212103		
3	212557	Quản lý chất lượng môi trường đại cương	2	30	30	0	0	0	0	2	2			212558



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
4	212558	Đồ án Quản lý chất lượng môi trường	1	30	0	0	0	30	0	2	2			212557
5	212502	Chuyên đề đánh giá tác động MT	1	30	0	0	0	30	0	3	1			212507
6	212507	Đánh giá tác động môi trường	2	30	30	0	0	0	0	3	1	212504		212502
7	212512	CCNC trong Quản lý môi trường	2	30	30	0	0	0	0	3	1	212557		
8	212513	Vệ sinh công nghiệp	2	30	30	0	0	0	0	3	1	212557		212553
9	212514	Xử lý khí thải và tiếng ồn	3	45	45	0	0	0	0	3	1	212201		
10	212553	Đồ án Vệ sinh công nghiệp	1	30	0	0	0	30	0	3	1			212513
11	212911	Thực tập giáo trình 2-MT	1	30	0	0	30	0	0	3	1			
12	212112	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	60	30	30	0	0	0	3	2	212103		
13	212322	Quản lý chất thải rắn	3	45	45	0	0	0	0	3	2	212557		
14	212516	Quản lý các bên hữu quan	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212507, 212557		
15	212531	Kiểm toán môi trường (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212512		212563
16	212536	Quản lý môi trường Công NN (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212557		212537
17	212537	Đồ án quản lý MT CNN	1	30	0	0	0	30	0	3	2	212557		212536
18	212551	Quản lý rủi ro EHS (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212557		212556
19	212556	Đồ án Quản lý rủi ro EHS	1	30	0	0	0	30	0	3	2			212551
20	212563	Đồ án Kiểm toán môi trường	1	30	0	0	0	30	0	3	2			212531
21	212505	Quản lý chất thải nguy hại	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212402		212506
22	212506	Đồ án QL chất thải nguy hại	1	30	0	0	0	30	0	4	1			212505
23	212515	Chuyên đề An toàn lao động	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212513		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
24	212521	ISO 45001	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		212559
25	212524	Quản lý năng lượng	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		212554
26	212525	Quản lý khí nhà kính (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		212555
27	212526	ISO 14000	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		212560
28	212554	Đồ án Quản lý năng lượng	1	30	0	0	0	30	0	4	1			212524
29	212555	Đồ án Quản lý khí nhà kính	1	30	0	0	0	30	0	4	1			212525
30	212559	Đồ án ISO 45001	1	30	0	0	0	30	0	4	1			212521
31	212560	Đồ án ISO 14000	1	30	0	0	0	30	0	4	1			212526
32	212914	Thực tập nghề nghiệp	2	60	0	0	60	0	0	4	2			
Cộng			55	1080	570	90	90	330	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	212105	Công nghệ sinh học môi trường	2	45	15	30	0	0	0	2	2	212103		
2	212503	Môi trường và sức khỏe cộng đồng	2	30	30	0	0	0	0	2	2	212402		
3	212547	Năng lượng tái tạo	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
Cộng			6	105	75	30	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 7 TC														
1	212108	GIS trong quản lý MT	2	45	15	30	0	0	0	3	1	218101		
2	212318	Quy hoạch môi trường	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
3	212327	Mô hình hóa môi trường	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
4	212517	Quản lý tài nguyên rừng	2	45	15	30	0	0	0	3	1			



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
5	212520	Quản lý tài nguyên đất	2	30	30	0	0	0	0	3	1	212528		
6	212538	Giáo dục và truyền thông MT	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
Cộng			12	210	150	60	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 4 TC														
1	212518	Quản lý tài nguyên vùng bờ	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212104		
2	212530	Quản lý tài nguyên nước	2	30	30	0	0	0	0	3	2	212528		
3	212611	Du lịch sinh thái	2	45	15	0	30	0	0	3	2	212104		
Cộng			6	105	75	0	30	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0304 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	212523	Báo cáo phát triển bền vững	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		
2	212527	Đánh giá vòng đời sản phẩm	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212536		
3	212535	Quản lý dự án môi trường	2	30	30	0	0	0	0	4	1	212509		
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0305 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	212508	Hoạch định chiến lược BVMT	3	45	45	0	0	0	0	4	2	212557		
2	212908	QLMT và phát triển bền vững	3	45	45	0	0	0	0	4	2	212557		
3	212998	Tiểu luận tốt nghiệp QLMT	6	90	0	0	0	0	90	4	2			
4	212999	Khóa luận tốt nghiệp	12	180	0	0	0	180	0	4	2			
Cộng			24	360	90	0	0	180	90					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Môi trường và Tài nguyên
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 158
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường
Mã ngành: 7850101
Chuyên Ngành: Quản lý môi trường
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
-----	-------------	--------------	-------	----	----	----	----	----	----	-----	--------	-----------	------------	-----------

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 112

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 46

Nhóm tốt nghiệp sẽ có 2 hình thức lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp (12 tín chỉ)
2. Tiểu luận tốt nghiệp (6 TC) + sinh viên phải đạt thêm 6 TC các học phần trong nhóm tự chọn 0305

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

(A) Học phần cốt lõi, bắt buộc sinh viên phải đạt từ điểm C trở lên (tương đương từ điểm 2 hệ 4 hoặc 5,5 trở lên theo thang điểm 10)

Lưu ý: Ngoài số 158 tín chỉ đạt nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học theo quy định của Nhà Trường



Hiệu Trưởng

Trưởng Phòng Đào Tạo

TS. Võ Thái Dân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Trưởng Khoa/ Bộ môn

PGS.TS. Nguyễn Tri Quang Hưng

